TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 5-2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân; Ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2024 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh ngày 12//7/1996. Địa chỉ: thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (*Có đơn xin vắng mặt*)

- *Bị đơn*: Anh Bùi Đình Q, sinh ngày 20/02/1994. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Cộng hòa Liên bang Đ. (*Có ý kiến xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị T và anh Bùi Đình Q đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã B), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 2023, anh Q đi lao động tại Liên bang Đ, đến tháng 10/2023 chị T nghe có thông tin anh Q có quan hệ bất chính với phụ nữ khác. Từ đó mâu thuẫn càng ngày càng gay gắt, anh Q ít liên lạc về với gia đình. Nay nhận thấy vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Đình Q.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung Bùi Thảo N, sinh ngày 03/01/2016 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 13/4/2017. Nguyện vọng của chị T là muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì lý do bận công việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Bùi Đình Q thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Facebook của anh Q là "QuanThuong" (do ông Bùi Đính T1 là bố đẻ của anh Bùi Đính Q1 cung cấp thông tin) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn Bùi Đình Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đình Q thống nhất về nội dung trình bày của chị Trần Thị T về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Năm 2023, anh Q đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều khúc mắc, sống xa cách và thiếu sự tin tưởng với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn tới tình cảm phai nhạt. Anh Bùi Đình Q đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung Bùi Thảo N, sinh ngày 03/01/2016 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 13/4/2017. Anh Bùi Đình Q đồng ý giao 02 con chung cho chị Trần Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Q không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ tại Cộng hòa liên bang Đ nên anh xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ủy quyền cho bố đẻ là ông Bùi Đình T2 thay anh thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án. Quá trình làm việc, ông Bùi Đình T2 đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tại liệu, văn bản của anh Bùi Đình Q, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án để anh Q được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 143, khoản 4 Điều 147, 464, 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1 mục 2

phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Bùi Đình Q.

Về con chung: Giao hai con chung Bùi Thảo N, sinh ngày 03/01/2016 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 13/4/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con đủ tròn 18 tuổi. Anh Bùi Đình Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: chị Trần Thị T và anh Bùi Đình Q đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã B), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nay do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Đình Q. Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh số 7169/QLXNC-P3 ngày 10/4/2024 của Cục Q2 - Bộ C, xác nhận: anh Bùi Đình Q, sinh ngày 20/02/1994; số hộ chiếu: B3763850; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 16/4/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn chị Trần Thị T hiện đang sinh sống tại thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn anh Bùi Đình Q hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Cộng hòa liên bang Đ1, không cung cấp được địa chỉ và thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ. Do điều kiện công việc nên anh Q xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Q theo thủ tục chung.

[2]. ***Về nội dung:***

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị T và anh Bùi Đình Q tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B (nay là Bùi La N1), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chi T và anh Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 2023, anh Q đi lao động tại Liên bang Đ, đến tháng 10/2023 chị T nghe thông tin anh Q có quan hệ bất chính với phụ nữ khác, từ đó mâu thuẫn càng ngày càng gay gắt, anh Q ít liên lạc về với gia đình. Nay nhận thấy vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Đình Q.

Anh Bùi Đình Q xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh thống nhất với việc chị T đề nghị ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Q và chị T là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Thương yêu c được ly hôn anh Q là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T, xử cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình Q.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung Bùi Thảo N, sinh ngày 03/01/2016 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 13/4/2017. Anh Bùi Đình Q đồng ý giao 02 con chung cho chị Trần Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Hiện nay, hai cháu Bùi Thảo N và Bùi Hải Đ đang sinh sống cùng mẹ, các cháu được chăm sóc chu đáo và được phát triển khỏe mạnh về thể chất, tinh thần. Cháu Thảo N có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Với nguyện vọng của chị T, anh Bùi Đình Q thống nhất giao 02 con cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con đủ tròn 18 tuổi. Anh Bùi Đình Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: chị T, anh Q xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Bùi Đình Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung Bùi Thảo N, sinh ngày 03/01/2016 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 13/4/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con đủ tròn 18 tuổi. Anh Bùi Đình Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000818 ngày 19/3/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Khắc Hoàng